

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách xã quý 3 năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CÙ VÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của công chức Tài chính- kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 3 năm 2022 cụ thể như sau:

I. Về công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý 3 năm 2022: Theo các biểu số 113/CKTC-NSNN; 114/CKTC-NSNN; 115/CKTC-NSNN.

II. Về công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 3 năm 2022, cụ thể như sau:

1. Về Thu NSNN: Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn quý 3 năm 2022 đạt 2.649.856.171đồng, đạt 47,09% dự toán huyện giao và HĐND xã quyết định, Thu ngân sách xã được hưởng 100% 10.368.000 đồng đạt 14,2% dự toán, thu ngân sách phân chia theo tỷ lệ 44.723.571đ đạt 9,38% dự toán, Thu bổ sung trợ cấp từ ngân sách cấp trên 2.594.764.900.000 đồng đạt 51,1% dự toán, ...

(Chi tiết các khoản thu theo biểu số 114/CKTC-NSNN đính kèm)

2. Về chi ngân sách: Ước thực hiện quý 3 năm 2022 là: 1.979.000.088đồng, đạt 35,63% dự toán UBND huyện giao và HĐND xã quyết định. Chi thường xuyên quý 3 năm 2022 cơ bản theo dự toán được giao, đáp ứng kịp thời nhu cầu chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và các nghiệp vụ chuyên môn.

(Chi tiết các khoản chi theo biểu số 115/CKTC-NSNN đính kèm)

Điều 2. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã, HONND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Như điều 3
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Bình

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	5,627,309,000	2,649,856,171	47.09
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	73,000,000	10,368,000	14.2
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	477,000,000	44,723,571	9.38
3	Thu bổ sung	5,077,309,000	2,594,764,600	51.11
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5,077,309,000	1,402,194,000	27.62
	- Bổ sung có mục tiêu		1,192,570,600	
4	Thu chuyên nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	5,555,025,000	1,979,000,088	35.63
1	Chi đầu tư phát triển		684,076,000	
2	Chi thường xuyên	5,445,025,000	1,294,924,088	23.78
3	Dự phòng	110,000,000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)				SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX		
A		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2		
	Tổng số thu	5.987.267,000	5.987.267,000	3.023.084,951	2.649.856,171	50,49	44,26		
I	Các khoản thu 100%	73.000,000	73.000,000	10.368,000	10.368,000	14,2	14,2		
1	Phí, lệ phí	62.000,000	62.000,000	7.863,000	7.863,000	12,68	12,68		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác								
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp								
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			2.505,000	2.505,000				
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân								
8	Thu khác	11.000,000	11.000,000						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	477,000,000	477,000,000	417,952,351	44,723,571	87,62	9,38		
1	Các khoản thu phân chia	75,000,000	75,000,000	30,549,571	30,549,571	40,73	40,73		
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp								
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			300,000	300,000				
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	75,000,000	75,000,000	30,249,571	30,249,571	40,33	40,33		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	402,000,000	402,000,000	387,402,780	14,174,000	96,37	3,53		
21	Thu tiền sử dụng đất			251,501,200					
22	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước								
23	Thuế tài nguyên								
24	Thuế giá trị gia tăng	68,000,000	68,000,000	14,174,000	14,174,000	20,84	20,84		
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp								
26	Thuế thu nhập cá nhân	334,000,000	334,000,000	121,727,580		36,45			
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt								
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)								
IV	Thu chuyên nguồn								
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	359,958,000	359,958,000						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN 1	THU NSX 2	THU NSNN 3	THU NSX 4	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2
A							
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.077.309,000	5.077.309,000	2.594.764,600	2.594.764,600		51.11
1	Thu bổ sung cần đổi	5.077.309,000	5.077.309,000	1.402.194,000	1.402.194,000		27.62
2	Thu bổ sung có mục tiêu			1.192.570,600	1.192.570,600		27.62



